

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 182/2021/DS-PT

Ngày: 13/12/2021

V/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Nguyên Khoa.

Các Thẩm phán: Ông Lâm Văn Năm

Ông Lê Thành Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Thị Út – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Bùi Thị Cẩm Linh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2021/TLPT-DS, ngày 26 tháng 02 năm 2021 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 139/2020/DS-ST ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 195/2021/QĐ-PT ngày 18 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1945 (có mặt)

Địa chỉ: C44, PCĐ, Phường B, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1962

Địa chỉ: Số 281A, khóm TTA, phường TN, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Anh **Ngô Văn Q**, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: Số 500/125, ĐVB, Phường MB, Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Số 65, NTT, Phường MB, Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh. (Theo văn bản ủy quyền ngày 13/5/2021)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà **Sơn Kim L**, sinh năm 1949 (vợ ông N, đã chết)

Địa chỉ: C44, PCĐ, Phường B, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Liên:

Ông **Nguyễn Văn N** sinh năm 1945

Anh **Nguyễn Sơn Vĩnh P**, sinh năm 1980

Chị **Nguyễn Sơn Tuyết H**, sinh năm 1985

Địa chỉ: C44, PCĐ, Phường B, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Chị Nguyễn Sơn Tuyết H, sinh năm 1975

Địa chỉ: Căn hộ chung cư B, Lô B, Khu nhà ở cao tầng, Phường MM, Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.

Chị Nguyễn Sơn Ánh N, sinh năm 1982

Địa chỉ: Lầu 2, số 17, ngõ 138, đường VD, Khóm HS, phường LT, khu QS, Đài Loan.

Người đại diện hợp pháp của H, P, H, N:

Ông Nguyễn Văn N sinh năm 1945

Địa chỉ: C44, PCĐ, Phường B, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

(Theo các văn bản ủy quyền ngày 03/11/2020, 12/11/2020, 23/12/2020) .

3.2. Bà **Nguyễn Kim N**, sinh năm 1947 (vợ ông H, xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 281A, khóm TTA, phường TN, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N: Ông **Nguyễn Quang D** - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Long. (xin vắng)

Địa chỉ: Số 126/10, NH, phường T, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Người kháng cáo: Bị đơn Nguyễn Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 24/4/2019 và các lời khai tiếp theo của nguyên đơn Nguyễn Văn N trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Ông N có thửa đất số 107, tờ bản đồ số 09, diện tích 562,8m², loại đất vườn, tọa lạc ấp TA, xã TN, thị xã Vĩnh Long (nay là phường TN, thành phố Vĩnh Long), tỉnh Vĩnh Long, cấp ngày 02/7/2001 cho ông Nguyễn Văn N. Ngày 29/6/2011 Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Long ban hành Quyết định số: 3476/QĐ-UBND về việc thu hồi 498,0m² của thửa đất này để xây dựng công trình đường giao thông Khu du lịch sinh thái xã TN - TA, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi thu hồi diện tích còn lại là 64,8m², trên đất có cột mốc ranh nhưng trong quá trình xây dựng cầu đường, gia đình ông N di dời nhà đi từ tháng 12/2011 đến nay đất bỏ trống, các cột mốc ranh đã mất. Năm 2018, ông N xin cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng (QSD) đất và được cơ quan chức năng tiến hành khảo sát, đo đạc phần đất còn lại để cắm mốc ranh thì vợ, con ông Nguyễn Văn H tranh cãi, không đồng ý việc cắm mốc ranh và gia đình ông H cho rằng ông N không còn đất ở đây nên không cho sử dụng phần đất này.

Quá trình sử dụng đất thì các bên đã có Giấy chứng nhận QSD đất hợp pháp nên ông N đề nghị cơ quan chuyên môn xác định lại ranh đất đúng theo giấy chứng nhận đã cấp. Quyền sử dụng đất của ông N thể hiện phần đất sau thu hồi còn lại 64,8m² và sự việc tranh chấp xảy ra có chính quyền địa phương giải quyết nhưng không thành.

Ông N yêu cầu ông H trả lại phần đất có diện tích 64,8m² ước tính chiều ngang khoảng 03m, dài khoảng 20m, chiết thửa 107, tờ bản đồ số 09 và trên phần đất chỉ có chuối và cây tạp tự mọc nên không yêu cầu giải quyết phần cây trồng trên đất.

Tại công văn số: 132/PTNMT ngày 28/10/2019 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Vĩnh Long, thể hiện phần đất ông N chỉ ranh có diện tích 62,8m², trong đó có 59,0m² chiết thửa 107 và 3,8m² chiết thửa 108. Ông N thống nhất với kết quả đo đạc hiện trạng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông N chỉ yêu cầu hộ ông H và bà N cho cắm mốc ranh giao lại phần đất 59,0m² thuộc thửa 107, tờ bản đồ số 09 thuộc quyền sử dụng của ông N, còn lại phần đất 3,8m² thuộc thửa 108, tờ bản đồ số 09 của ông H nên ông không yêu cầu và ngoài ra ông không còn yêu cầu nào khác.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/9/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn Nguyễn Văn H trình bày:

Ông N khởi kiện không đúng, trước đây phần đất là con rạch công cộng bị sạt lở nhiều và nước con rạch rất bẩn nên gia đình ông H đã san lấp để có được phần đất bằng phẳng, rộng rãi. Vì vậy, ông N yêu cầu giao lại phần đất gần 60m² thì ông không đồng ý và đề nghị Tòa án tiến hành xác minh những hộ lân cận để làm rõ sự việc tranh chấp này.

Tại công văn số: 572/CNVPĐKĐĐ ngày 17/6/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vĩnh Long kèm theo hồ sơ kê khai đăng ký QSD thể hiện thửa đất số 108, tờ bản đồ số 09, diện tích 197,1m² loại đất vườn, tọa lạc ấp TA, xã TN, thị xã Vĩnh Long (nay là phường TN, thành phố Vĩnh Long), tỉnh Vĩnh Long, đất có nguồn gốc từ ông Nguyễn Văn Đ, cha ông H cho vào năm 1991, ông H được Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Long (nay là thành phố Vĩnh Long) cấp Giấy chứng nhận QSD đất năm 2001 và được cấp đổi lại theo chương trình Vlap thành thửa số 295, tờ bản đồ số 18, diện tích 198,2m² vào năm 2015.

Tại công văn số: 132/PTNMT ngày 28/10/2019 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Vĩnh Long, theo kết quả phúc đáp thì ông H không xác định được diện tích đất tranh chấp với ông N.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Sơn Kim L: Theo Giấy báo tử thì bà L chết vào ngày 12/10/2020 nên những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà L gồm có chồng và các người con của bà L ủy quyền cho ông N (chồng bà L) tham gia tố tụng trong vụ án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Kim N trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm trình bày:

Bà thống nhất các ý kiến ông H đã trình bày trên và đề nghị xem xét tiền bôn cát là 30.000.000đ trên phần đất tranh chấp mà bà và ông H đang sử dụng.

- Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 139/2020/DS-ST, ngày 31/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long đã tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N.

Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Kim N giao trả cho ông N phần đất diện tích 59,0m² thuộc chiết thửa số 107, tờ bản đồ số 09 tọa lạc ấp TA, xã TN, thị xã Vĩnh Long (nay là phường TN, thành phố Vĩnh Long), tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 02/7/2001 cho ông Nguyễn Văn N (kèm theo kết quả đo đạc của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Vĩnh Long ngày 28/10/2019 và trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 14/10/2019).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng, quyền yêu cầu và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 14/01/2021, bị đơn Nguyễn Văn H kháng cáo toàn bộ án sơ thẩm và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn N và công nhận cho ông H được quyền sử dụng phần đất 59m².

- *Tại phiên tòa phúc thẩm:* Các đương sự không có cung cấp tài liệu, chứng cứ mới và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

+ *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Nguyễn Văn H trình bày:* Vẫn giữ nguyên kháng cáo yêu cầu công nhận cho bị đơn ông Nguyễn Văn H được tiếp tục sử dụng phần đất diện tích 59m², thuộc chiết thửa 295, tờ bản đồ số 18, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại khóm TTA, phường TN, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Với lý do, đất này trước đây thuộc rạch tự nhiên do nhà nước quản lý và không thuộc quyền sử dụng của ông N cũng như ông H. Phía ông H trực tiếp quản lý sử dụng đất này, còn ông N không quản lý.

+ *Nguyên đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:* Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là buộc bị đơn Nguyễn Văn H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Kim N (vợ ông H) trả lại cho nguyên đơn phần đất diện tích 59m² thuộc chiết thửa 107, tờ bản đồ số 9, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại khóm TTA, phường TN, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long theo như án sơ thẩm đã tuyên.

- *Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Kim N:*

Sau khi cấp phúc thẩm có kết quả khảo sát đo đạc lại thì phần đất tranh chấp giữa nguyên đơn ông Nguyễn Văn N và bị đơn ông Nguyễn Văn H có tổng diện tích là 66,3m² trong đó: có 50,2m² thuộc tách thửa 107 của ông Nguyễn Văn N và có 16,1m² thuộc tách thửa 295, tờ bản đồ số 18 của ông Nguyễn Văn H. Hiện trạng phần đất của ông H nằm trong dãi cầu nên việc sử dụng đất hoặc mua bán là rất khó khăn, nên đề nghị với nguyên đơn có sự thỏa thuận là phía bị đơn sẽ hoàn giá trị đất 50,2m² cho nguyên đơn với số tiền 20.000.000 đồng để bị đơn được tiếp tục sử dụng cho liên kế theo hiện trạng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự, công nhận sự thỏa thuận của đương sự và miễn án phí cho bà N do thuộc trường hợp người cao tuổi quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:*

+ Về tính hợp pháp của kháng cáo: Bị đơn Nguyễn Văn H kháng cáo thực hiện đúng thủ tục và thời hạn quy định tại các Điều 273, 276, 285 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là phù hợp.

+ Về tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã thực hiện đầy đủ theo đúng thủ tục của pháp luật tố tụng dân sự quy định.

+ Về nội dung giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Nguyễn Văn H. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 139/2020/DS-ST, ngày 31/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Giao cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Kim N được tiếp tục sử dụng phần đất diện tích 16,1m², tách thửa 295, tờ bản đồ số 18, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại khóm TTA, phường TN, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất).

Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Kim N giao trả lại cho nguyên đơn Nguyễn Văn N phần đất diện tích 50,2m², tách thửa 107, tờ bản đồ số 9, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại khóm TTA, phường TN, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất).

Về chi phí đo đạc, định giá: Áp dụng các Điều 157, 158, 165, 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Buộc mỗi bên phải chịu ½ chi phí tại cấp sơ thẩm và tại cấp phúc thẩm.

Về án phí: Áp dụng Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn nộp tiền án phí cho ông N và bà N do thuộc trường hợp người cao tuổi. Buộc ông H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo được cấp phúc thẩm chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn Nguyễn Văn H kháng cáo trong thời hạn luật định và thực hiện đúng thủ tục theo quy định tại các Điều 273, 276, 285 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có liên quan đến kháng cáo đã có người đại diện tham gia phiên tòa và có đương sự có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là phù hợp luật định.

[2] Xét nội dung kháng cáo:

Bị đơn Nguyễn Văn H kháng cáo yêu cầu công nhận cho bị đơn tiếp tục sử dụng phần đất diện tích 59m² thuộc thửa 295, tờ bản đồ số 18, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại khóm TTA, phường TN, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Theo Giấy chứng nhận QSD đất do nguyên đơn ông Nguyễn Văn N đứng tên, được Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Long cấp ngày 02/7/2001, với diện tích 562,8m², loại đất vườn, thửa 107, tờ bản đồ số 9, tọa lạc ấp TA, xã TN, thị xã Vĩnh Long (nay là khóm TTA, phường TN, thành phố Vĩnh Long).

Ngày 29/6/2011, Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Long ra Quyết định số 3476/QĐ-UBND thu hồi 498m² đất vườn thuộc chiết thửa 107, tờ bản đồ số 9 của ông Nguyễn Văn N để xây dựng công trình Đường giao thông khu du lịch sinh thái xã TN – TA, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, nên diện tích còn lại là 64,8m².

Theo Giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất do bị đơn ông Nguyễn Văn H đứng tên, được Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Long cấp ngày 16/7/2015, với diện tích 192,8m², loại đất trồng cây lâu năm, thửa 295, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại khóm TTA, xã TN, thành phố Vĩnh Long.

Căn cứ vào Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 05/7/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long thể hiện kết quả: Diện tích đo đạc hiện trạng tại thửa 107 và thửa 295 không đúng với diện tích đã ghi trong Giấy chứng nhận QSD đất đã cấp cho nguyên đơn và bị đơn là do nguyên đơn và bị đơn xác định lại các mốc ranh đất không đúng với Giấy chứng nhận QSD đất. Đồng thời, xác định phần đất tranh chấp theo sự chỉ ranh của nguyên đơn và bị đơn có diện tích 66,3m² trong đó: có 50,2m² thuộc thửa 107, tờ bản đồ số 9 do ông Nguyễn Văn N đứng tên Giấy chứng nhận QSD đất; có 16,1m² thuộc thửa 295, tờ bản đồ số 18 do ông Nguyễn Văn H đứng tên Giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất.

Như vậy, phần diện tích đất tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn có thay đổi so với diện tích đất theo như án cấp sơ thẩm đã tuyên là do sự chỉ ranh của đương sự xác định lại tại cấp phúc thẩm. Với kết quả khảo sát, đo đạc thực tế phần đất tranh chấp tại cấp phúc thẩm, xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Văn H là có cơ sở và phù hợp luật định.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Nguyễn Văn H. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 139/2020/DS-ST, ngày 31/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Kim N được tiếp tục sử dụng phần đất 16,1m² thuộc thửa 295, tờ bản đồ số 18, loại đất trồng cây lâu năm, tại khóm TTA, phường TN, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Kim N giao trả lại cho ông Nguyễn Văn N phần đất diện tích 50,2m² thuộc thửa 107, tờ bản đồ số 9, loại đất trồng cây lâu năm, tại khóm TTA, phường TN, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

(Kèm theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 05/7/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long).

[3] Về chi phí khảo sát đo đạc, định giá: Tổng cộng là 9.555.000đ, trong đó tại cấp sơ thẩm là 1.745.000đ và tại cấp phúc thẩm là 7.810.000đ, nên mỗi bên phải chịu số tiền chi phí là 4.777.500đ theo quy định tại các Điều 157, 158, 165, 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông N đã nộp 1.745.000đ, ông H đã nộp 7.810.000đ nên buộc ông N hoàn lại cho ông H số tiền là 3.032.500đ.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn nộp tiền án phí cho ông N và bà N do thuộc trường hợp người cao tuổi. Buộc ông H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo được cấp phúc thẩm chấp nhận.

[5] Xét quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Ngọc là có cơ sở nên được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Văn H.

Sửa một phần bản án sơ thẩm số 139/2020/DS-ST, ngày 31/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào các Điều 147, 148, 157, 158, 165, 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 100, 166, 170, 203 của Luật Đất đai năm 2013; các Điều 164, 166, 175, 176 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N.

1.1. Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Kim N giao trả lại cho ông Nguyễn Văn N phần đất diện tích 50,2m² thuộc tách thửa 107, tờ bản đồ số 9, loại đất trồng cây lâu năm, tại khóm TTA, phường TN, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, có kích thước và hình thể gồm các mốc: 1, a, g d, 6, 1.

1.2. Giao cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Kim N được tiếp tục sử dụng phần đất 16,1m² thuộc tách thửa 295, tờ bản đồ số 18, loại đất trồng cây lâu năm, tại khóm TTA, phường TN, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, có kích thước và hình thể gồm các mốc: a, 2a, 5a, d, g, a.

(Kèm theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 05/7/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long).

[2] Về chi phí khảo sát đo đạc, định giá: Buộc ông Nguyễn Văn N hoàn lại cho ông Nguyễn Văn H số tiền là 3.032.500đ (ba triệu, không trăm ba mươi hai nghìn đồng).

[3] Về án phí: Miễn nộp tiền án phí cho ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Kim N. Buộc ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000002 ngày 22/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long, nên ông H không phải nộp thêm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chưa thi hành án số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. HCM
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- CA TAND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND TP Vĩnh Long;
- CC THADS TP Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Nguyên Khoa